TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH AN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/HNGĐ-ST
Ngày 23/8/2017
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Đinh Xuân Lễ

2- Ông Hoàng Đức Anh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa ông Nông Văn An - Thư ký Tòa án nhân dân huyên Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2017/TLST- HNGĐ ngày 24/ 02/2017 về việc xin ly hôn.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2017. Giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Vương Anh V

Trú tại: thôn C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C

2- Bị đơn: Nông Thị Huyền N

Trú tại: Thôn C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C.

Các bên đương sự có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 02 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Vương Anh V trình bày: Anh V kết hôn với chị Nông Thị Huyền N ngày 20 tháng 6 năm 2012, hôn nhân có được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng diễn ra bình thường, đến cuối năm 2014 tình cảm vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống thường ngày, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, đến năm 2015 anh V đi học tại chức tại Hà Nội anh nghi ngờ chị N có tình cảm với người đàn ông khác, thực tế anh không bắt gặp lần nào mà chỉ phát hiện có những tin nhắn trên điện thoại của chị N, dẫn đến vợ chồng cãi vã, xô sát lẫn nhau. Do vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không cải thiện được, chị N đã

cùng con về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 02 năm 2017 đến nay, hai vợ chồng không còn quan tâm, không còn tình cảm gì với nhau nữa.

Về con chung:

Anh Vương Anh V và chị Nông Thị Huyền N có 01 (một) đứa con chung tên là: Vương Gia B, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2014, hiện con đang sống cùng chị N. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị N có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng anh.

Về tài sản chung của vợ chồng: Không có.

Trong quá trình chung sống anh chị không nợ nần ai và cũng không có ai vay nợ gì anh chị.

Nay anh V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên anh yêu cầu Toà giải quyết những vấn đề sau:

1, Về quan hệ hôn nhân: Anh Vương Anh V yêu cầu được ly hôn với chị Nông Thị Huyền N.

2, Về con chung:

Anh V và chị N có 01 (một) con chung tên là Vương Gia B, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2014. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị N có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng anh.

3, Về tài sản chung:

Anh chị không có tài sản gì chung, không yêu cầu toà giải quyết.

Bị đơn: Nông Thị Huyền N trình bày: Về điều kiện kết hôn cũng như Anh V đã trình bày, sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng sống bình thường, nhưng đến năm 2015 do anh V đi học tại chức tại Hà Nội chị nghi ngờ anh V có tình cảm với người phụ nữ khác, nên cuộc sống vợ chồng thường sảy ra cãi chửi nhau, dẫn đến vợ chồng xảy ra xô sát, sự việc này đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, nên chị đã cùng con về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng đã ly thân từ tháng 2 năm 2017, anh V không đến thăm chị và con lần nào.

Về con chung:

Anh Vương Anh V và chị Nông Thị Huyền N có 01 (một) đứa con chung tên là: Vương Gia B, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2014, hiện con đang sống cùng chị N. Sau khi ly hôn chị Nga yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành, yêu cầu anh V có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 3.000.000,đ (Ba triệu đồng) trên tháng, đóng góp theo tháng.

Về tài sản chung của vợ chồng: Không có.

Trong quá trình chung sống anh chị không nợ nần ai và cũng không có ai vay nợ gì anh chị.

Tại phiên toà chị Nông Thị Huyền N có ý kiến và yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị không nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của anh Vương Anh V, chị xác Định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn anh V quay lại Đoàn tụ vợ chồng cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình, cùng nhau nuôi dạy con chung.

2, Về con chung:

Nếu phải ly hôn chị N có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con chung tên là Vương Gia B, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2014 đến tuổi trưởng thành và có yêu cầu anh V có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 3.000.000,đ (Ba triệu đồng), đóng góp theo tháng.

Về tài sản chung của vợ chồng: Không có

Trong qúa trình chung sống anh chị không nợ nần ai và cũng không có ai vay nợ anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và cắn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Vương Anh V và chị Nông Thị Huyền N kết hôn năm 2012, hôn nhân có được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C. Do đó đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống khi mới kết hôn anh chị hoà thuận, hạnh phúc, đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không tin tưởng nhau, nghi ngờ nghen tuông nhau vô cớ, nên trong cuộc sống thường ngày vợ chồng thường hay cãi chửi, xô sát nhau, dẫn đễn mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mặc dù hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, đến khoảng tháng 2 năm 2017 chị N đã tự ý bế con về nhà mẹ đẻ ở, anh chị không qua lại thăm nom nhau lần nào. Nay anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trần trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh xin được ly hôn dứt khoát với chị N, còn chị N lại cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn có khả năng khắc phục được mong được đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy con chung. Hội đồng xét xử xét thấy tuy chị N xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng kể từ ngày chị N bỏ về nhà mẹ đẻ ở chị không quay về nhà anh V lần nào, khi Toà án hoà giải có khuyên chị về nhà anh V Tại thôn C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng chị cũng không thực hiện. Nay xét tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu cố kéo dài cuộc hôn nhân này cùng không mang lại kết quả.

[1.2] Căn cứ vào điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có đủ căn cứ cho ly hôn, bởi lẽ: Anh V và chị N sảy ra mâu thuẫn vợ chồng, chị Nga đã bỏ về nhà mẹ đẻ, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2017 đến nay, tình cảm vợ chồng không cải thiện được, nay anh V xin được ly hôn dứt khoát với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn với chị N có căn cứ pháp luật.

[2]. Về con chung: Anh Vương Anh V và chị Nông Thị Huyền N có 01 (một) đứa con chung tên là Vương Gia B, tại phiên toà cả hai anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến tuổi trưởng thành và chị N có yêu cầu sau khi ly hôn anh V phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị N 3.000.000,đ / tháng, đóng góp theo tháng. Xét về điều kiện kinh tế của hai anh chị đều có điều kiện để nuôi dưỡng con, nhưng do cháu Vương Gia B còn nhỏ, cần được sự chăm sóc của người mẹ, căn cứ vào điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét về quyền lợi mọi mặt của cháu Vương Gia B. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến tuổi trưởng thành của chị N là phù hợp.

[2.1]. Về cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ vào điều 82,83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về nuôi con cả người cha và người mẹ đều có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung, sau khi ly hôn chị N yêu cầu anh V đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 3.000.000, đ/ tháng, mức đóng góp này là cao. Tại phiên toà anh V tự nguyện đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N là 2.000.000,đ (hai triệu đồng) / tháng. Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh v vì không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật.

[3]. Tài sản chung của vợ chồng không có. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14. Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Nay xử:

[1]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Vương Anh V được ly hôn với chị Nông Thị Huyền N.

[2]. Về con chung: Chị Nông Thị Huyền N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên là Vương Gia B, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2014 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

[2.1] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vương Anh V đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nông Thị Huyền N là 2.000.000,đ (Hai triệu đồng) / tháng, đóng góp theo tháng. Tiền cấp dưỡng nuôi con tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Vương Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Anh Vương anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho cho việc xin ly hôn là 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước. Nhưng

được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh đã nộp là 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/ 0000506, ngày 24 tháng 02 năm 2017 của chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh C.

Ngoài ra anh Vương Anh V còn phải chịu khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.00,đ (Ba trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm tuyên công khai, có mặt các bên đương sự, báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án .

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- UBND TT Đông Khê;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hương